

Khám phá các số đến 100: Tập đếm số bước chân từ cổng trường vào lớp học

Chào các bạn nhỏ! Hôm nay, chúng mình sẽ cùng nhau học một bài học rất thú vị. Chúng ta sẽ không chỉ ngồi trong lớp học mà còn được ra ngoài sân trường để khám phá các con số đến 100 qua một trò chơi đếm bước chân. Các bạn đã sẵn sàng chưa nào? Bắt đầu thôi!

1. Ôn lại các số đã học (Từ 1 đến 20)

Trước khi khám phá những con số mới, chúng mình hãy cùng nhau ôn lại những người bạn cũ đã quen thuộc nhé. Các bạn hãy đếm to cùng cô nào!

- 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 (mười)
- 11 (mười một), 12 (mười hai), 13 (mười ba), 14 (mười bốn), 15 (mười lăm)
- 16 (mười sáu), 17 (mười bảy), 18 (mười tám), 19 (mười chín), 20 (hai mươi)

Các bạn giỏi lắm! Chúng ta đã nhớ lại cách đếm đến 20 rồi.

2. Làm quen với các số tròn chục

Bây giờ, chúng ta sẽ làm quen với những con số rất đặc biệt, đó là các số tròn chục. Giống như bạn số 10 và bạn số 20 chúng ta vừa ôn lại đó!

a. Số tròn chục là gì?

Số tròn chục là các số có chữ số ở hàng đơn vị là **0**. Chúng ta có thể hiểu đơn giản là các số đếm chẵn chục.

- **10** đọc là **mười** (gồm 1 chục và 0 đơn vị)
- **20** đọc là **hai mươi** (gồm 2 chục và 0 đơn vị)
- **30** đọc là **ba mươi** (gồm 3 chục và 0 đơn vị)

Cứ như vậy, chúng ta có các số tròn chục tiếp theo cho đến 100.

b. Bảng các số tròn chục đến 100

Viết số	Đọc số	Cấu tạo
10	Mười	1 chục và 0 đơn vị
20	Hai mươi	2 chục và 0 đơn vị
30	Ba mươi	3 chục và 0 đơn vị
40	Bốn mươi	4 chục và 0 đơn vị
50	Năm mươi	5 chục và 0 đơn vị
60	Sáu mươi	6 chục và 0 đơn vị
70	Bảy mươi	7 chục và 0 đơn vị
80	Tám mươi	8 chục và 0 đơn vị
90	Chín mươi	9 chục và 0 đơn vị
100	Một trăm	1 trăm, 0 chục và 0 đơn vị

3. Khám phá các số từ 21 đến 100

a. Cấu tạo số có hai chữ số

Các số từ 10 đến 99 được gọi là số có hai chữ số. Mỗi số đều có một "ngôi nhà" riêng gồm hai phòng: phòng "Hàng chục" và phòng "Hàng đơn vị".

Cấu tạo: Số có hai chữ số = Chữ số hàng chục + Chữ số hàng đơn vị.

- Chữ số đứng bên trái là chữ số hàng chục.
- Chữ số đứng bên phải là chữ số hàng đơn vị.

Ví dụ 1: Số 35

Số 35 có chữ số 3 đứng trước (bên trái) và chữ số 5 đứng sau (bên phải). Vậy:

- Số 35 gồm **3 chục** và **5 đơn vị**.

Ví dụ 2: Số 72

- Số 72 gồm **7 chục** và **2 đơn vị**.

b. Cách đọc số có hai chữ số

Để đọc đúng các số, chúng ta hãy ghi nhớ các quy tắc nhỏ sau đây nhé!

Quy tắc chung: Đọc số hàng chục + "mười" + số hàng đơn vị.

Ví dụ: Số **68** đọc là "sáu mươi tám".

Tuy nhiên, có một vài trường hợp đặc biệt:

1. **Khi chữ số hàng đơn vị là 1:** Ta đọc là "mốt".

Công thức: Đọc số hàng chục + "mười" + "mốt".

Ví dụ:

- **21** đọc là "hai mươi **mốt**" (không đọc là hai mươi một).
- **51** đọc là "năm mươi **mốt**".

2. **Khi chữ số hàng đơn vị là 4:** Ta đọc là "tư".

Công thức: Đọc số hàng chục + "mười" + "tư".

Ví dụ:

- **34** đọc là "ba mươi **tu**" (cũng có thể đọc là ba mươi bốn nhưng "tu" phổ biến hơn).
- **64** đọc là "sáu mươi **tu**".

3. **Khi chữ số hàng đơn vị là 5:** Ta đọc là "lăm".

Công thức: Đọc số hàng chục + "mười" + "lăm".

Ví dụ:

- **25** đọc là "hai mươi **lăm**" (không đọc là hai mươi năm).
- **85** đọc là "tám mươi **lăm**".

c. Cách viết số có hai chữ số

Khi nghe đọc một số, chúng ta sẽ viết lại bằng chữ số.

Quy tắc: Nghe phần "chục" viết trước, nghe phần "đơn vị" viết sau.

Ví dụ 1: Nghe đọc "Bảy mươi sáu".

- "Bảy mươi" tương ứng với 7 chục -> Viết chữ số **7**.
- "sáu" tương ứng với 6 đơn vị -> Viết chữ số **6** ngay sau số 7.
- Kết quả: **76**.

Ví dụ 2: Nghe đọc "Năm mươi một".

- "Năm mươi" -> Viết chữ số **5**.
- "một" -> Viết chữ số **1**.
- Kết quả: **51**.

4. So sánh các số trong phạm vi 100

Chúng ta dùng các dấu $>$ (**lớn hơn**), $<$ (**bé hơn**), $=$ (**bằng nhau**) để so sánh hai số.

a. So sánh hai số có số chữ số khác nhau

Quy tắc: Số nào có nhiều chữ số hơn thì số đó lớn hơn.

Ví dụ: So sánh **10** và **9**.

- Số 10 có hai chữ số.
- Số 9 có một chữ số.
- Vậy, **$10 > 9$** .

b. So sánh hai số có cùng hai chữ số

Khi so sánh hai số có cùng hai chữ số, chúng ta làm theo các bước sau:

1. Bước 1: So sánh chữ số hàng chục.

Quy tắc: Số nào có chữ số hàng chục lớn hơn thì số đó lớn hơn.

Ví dụ: So sánh **45** và **39**.

- Số 45 có chữ số hàng chục là 4.
- Số 39 có chữ số hàng chục là 3.
- Vì $4 > 3$, nên **$45 > 39$** .

2. Bước 2: Nếu chữ số hàng chục bằng nhau, so sánh chữ số hàng đơn vị.

Quy tắc: Số nào có chữ số hàng đơn vị lớn hơn thì số đó lớn hơn.

Ví dụ: So sánh **82** và **87**.

- Cả hai số đều có chữ số hàng chục là 8.
- Ta so sánh chữ số hàng đơn vị: 2 và 7.
- Vì 2 < 7, nên **82 < 87**.

3. Bước 3: Nếu cả hai chữ số đều bằng nhau.

Quy tắc: Nếu cả chữ số hàng chục và hàng đơn vị đều giống nhau thì hai số đó bằng nhau.

Ví dụ: So sánh **63** và **63**.

- Hai số có cùng chữ số hàng chục (6) và cùng chữ số hàng đơn vị (3).
- Vậy, **63 = 63**.

5. Hoạt động thực hành: Đếm số bước chân

Bây giờ là lúc chúng ta ra ngoài và áp dụng những gì đã học! Chúng ta sẽ cùng nhau đếm xem từ cổng trường vào đến cửa lớp học của mình cần bao nhiêu bước chân nhé!

a. Chuẩn bị

- Không gian: Sân trường, từ cổng đến cửa lớp.
- Dụng cụ: Giấy, bút chì để ghi lại kết quả.

b. Các bước thực hiện

1. **Xuất phát:** Cả lớp tập trung ở cổng trường.
2. **Bắt đầu đi và đếm:** Khi có hiệu lệnh, các bạn bắt đầu đi về phía lớp học của mình. Vừa đi vừa đếm to, rõ ràng từng bước chân: "Một, hai, ba, bốn, năm,...".
3. **Đếm qua các số tròn chục:** Cố gắng đếm liền mạch. Khi bạn đếm đến mười, hai mươi, ba mươi... hãy nhớ đó là những mốc quan trọng.
4. **Về đích:** Khi chân bạn bước đến ngay cửa lớp học, hãy dừng lại. Con số bạn vừa đếm ở bước cuối cùng chính là tổng số bước chân của bạn.
5. **Ghi lại kết quả:** Hãy viết con số đó vào giấy của mình.

c. Phân tích kết quả

Sau khi cả lớp đã có kết quả, chúng ta hãy cùng nhau phân tích nhé!

Ví dụ:

- Bạn An đếm được **92** bước chân.
- Bạn Bình đếm được **88** bước chân.

Cùng trả lời câu hỏi:

1. Số bước chân của bạn An đọc là gì? -> *Đáp án: Chín mươi hai.*
2. Số 92 gồm mấy chục và mấy đơn vị? -> *Đáp án: Gồm 9 chục và 2 đơn vị.*
3. Số bước chân của bạn Bình đọc là gì? -> *Đáp án: Tám mươi tám.*
4. So sánh số bước chân của hai bạn. Ai đi nhiều bước hơn?

5. *Phân tích*: So sánh 92 và 88. Ta so sánh hàng chục trước. Vì $9 > 8$ nên $92 > 88$.

6. *Kết luận*: Bạn An đi nhiều bước chân hơn bạn Bình.

6. Bài tập củng cố

Để ghi nhớ bài học hôm nay, các bạn hãy làm một vài bài tập nhỏ dưới đây nhé!

Bài 1: Đọc các số sau

- 27 -> ...
- 41 -> ...
- 95 -> ...
- 74 -> ...

Bài 2: Viết các số sau

- Ba mươi sáu -> ...
- Năm mươi một -> ...
- Tám mươi lăm -> ...
- Một trăm -> ...

Bài 3: Điền dấu $>$, $,$, $=$ vào chỗ trống

- 45 ... 54
- 78 ... 72
- 90 ... 90
- 61 ... 16

Bài 4: Số này gồm mấy chục và mấy đơn vị?

- Số 63 gồm ... chục và ... đơn vị.
- Số 19 gồm ... chục và ... đơn vị.
- Số 80 gồm ... chục và ... đơn vị.

Bài học hôm nay thật vui phải không nào? Các bạn không chỉ học được cách đếm, đọc, viết và so sánh các số đến 100 mà còn được vận động ngoài trời. Hãy luôn tìm thấy niềm vui trong học tập nhé!